TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1192/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2022
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Ngọc Mạnh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh– Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về "Ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 243/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Tổ 21, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 170 đường B, khu dân cư T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành H, sinh năm: 1990; Địa chỉ: số 811 đường H, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 5 năm 2021cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Bà T và ông Nguyễn Thành H chung sống vợ chồng từ năm 2018; Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí

Minh; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/2018, đăng ký ngày 17/3/2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khó có thể hoà hợp. Cả hai đã nhiều lần tự hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Bà T và và ông Nguyễn Thành H đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Bản thân bà T không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa, đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Thành H. Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Thụy Thiên K, sinh ngày: 14/9/2018; Ngoài ra không có con chung nào khác. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Thành H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thành H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Thành H không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Giấy đăng ký kết hôn số 32/2018, đăng ký ngày 17/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản sao Trích lục khai sinh số 629/TLKS-BS ngày 28/9/2018 do Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T thì đâylà vụ án tranh chấp về ly hôn; Do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy T; Bị đơn là ông Nguyễn Thành H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Thành H chung sống vợ chồng từ năm 2018; Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Giấy chứng nhận kết hôn

số 32/2018, đăng ký ngày 17/3/2018. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy T xin ly hôn với ông Nguyễn Thành H; Do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khó có thể hoà hợp. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nên bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Thành H đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Thành H đến Tòa để hoà giải và làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành H và bà Nguyễn Thị Thùy T nhưng ông Nguyễn Thành H không đến. Chứng tỏ ông Nguyễn Thành H thiếu thiện chí để hòa giải những mâu thuẫn của vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Thành H không yêu thương, chăm sóc giúp đỡ, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung: BàNguyễn Thị Thùy T khai trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Thành H có 01 con chung tên là Nguyễn Thụy Thiên K, sinh ngày: 14/9/2018; Ngoài ra không có con chung nào khác. Hiện nay bà Nguyễn Thị Thùy T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị Thùy T là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận, quyết định giao con chung tên là Nguyễn Thụy Thiên K cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng; Theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con bà Nguyễn Thị Thùy T không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[7] Xét về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy T xin ly hôn ông Nguyễn Thành H.

2. Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Thụy Thiên K, sinh ngày: 14/9/2018; Ngoài ra không có con chung nào khác.

Giao cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Thụy Thiên K. Về cấp dưỡng nuôi con bà Nguyễn Thị Thùy T không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Thùy T chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng; Theo biên lai thu số 0016695ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Nguyễn Thị Thùy T đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cửu Thị Mẫn